

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC
MIỀN NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Xuân Nhị	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 08/4/2013)
Bà Đỗ Thị Huyền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 09/4/2013)
Ông Hoàng Việt Hưng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/4/2013)
Bà Đỗ Thị Liên	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Đinh Việt An	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Đỗ Thị Huyền	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Hoàng Việt Hưng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/12/2013)
Ông Bùi Đình Bá	Phó Giám đốc
Ông Dương Thế Nhân	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Việt Hưng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 02 năm 2014, từ trang 3 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 02 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã Thuyết số minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100	90.829.346.515	80.015.838.200
I. Tiền	110 5	528.589.387	984.685.113
1. Tiền	111	528.589.387	984.685.113
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	66.828.200.521	42.972.572.613
1. Phải thu khách hàng	131	66.499.884.081	43.131.916.104
2. Trả trước cho người bán	132	543.498.286	46.644.786
3. Các khoản phải thu khác	135	509.814.421	504.657.990
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(724.996.267)	(710.646.267)
III Hàng tồn kho	140 6	23.042.171.117	34.542.661.636
1. Hàng tồn kho	141	23.042.171.117	34.542.661.636
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	430.385.490	1.515.918.838
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13.914.232	1.275.860.234
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154 8	154.785.589	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	261.685.669	240.058.604
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220)	200	4.860.470.518	5.249.063.637
I. Tài sản cố định	220	4.860.470.518	5.249.063.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221 7	4.860.470.518	5.249.063.637
- Nguyên giá	222	19.864.307.405	19.018.131.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(15.003.836.887)	(13.769.068.203)
2. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	-	15.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	(15.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	95.689.817.033	85.264.901.837

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	61.842.704.266	37.553.563.924
I. Nợ ngắn hạn	310	61.842.704.266	37.553.563.924
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	1.700.000.000	1.800.000.000
2. Phải trả người bán	312	53.557.136.516	29.946.603.722
3. Người mua trả tiền trước	313	-	3.185.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	131.192.847	494.616.368
5. Phải trả người lao động	315	2.979.513.999	4.166.413.402
6. Chi phí phải trả	316	550.152.016	733.940.968
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	776.013.546	114.497.503
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.148.695.342	294.306.961
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400	33.847.112.767	47.711.337.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	33.847.112.767	47.711.337.913
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	39.364.000.000	39.364.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	413.260.465	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	413.260.465	-
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	82.128.602	82.128.602
5. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(6.425.536.765)	8.265.209.311
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	95.689.817.033	85.264.901.837

Bùi Thị Hương
Người lập biểu

Ngày 24 tháng 02 năm 2014



Vũ Thị Nhân
Kế toán trưởng



Hoàng Việt Hưng
Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11	414.113.896.176	332.176.286.918
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	11	414.113.896.176	332.176.286.918
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		11 12	401.982.880.054	308.143.002.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.131.016.122	24.033.284.773
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21	41.933.149	49.667.145
7. Chi phí tài chính		22	169.734.467	2.152.848.389
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	169.437.577	2.150.811.776
8. Chi phí bán hàng		24	11.828.642.767	9.418.541.242
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		25	6.592.976.471	5.940.626.135
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21 -22) - (24+25))	30		(6.418.404.434)	6.570.936.152
11. Thu nhập khác		31	-	5.990.606.299
12. Chi phí khác		32	7.132.331	1.482.604.794
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(7.132.331)	4.508.001.505
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(6.425.536.765)	11.078.937.657
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		51 14	-	2.813.728.346
16. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(6.425.536.765)	8.265.209.311
17. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	(1.632)	2.101

Bùi Thị Hương
Người lập biểu

Vũ Thị Nhân
Kế toán trưởng

Hoàng Việt Hưng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6.425.536.765)	11.078.937.657
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.389.582.786	2.007.324.863
- Các khoản dự phòng	03	14.350.000	(141.230.702)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(41.933.149)	(4.199.486.942)
- Chi phí lãi vay	06	169.437.577	2.150.811.776
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.894.099.551)	10.896.356.652
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(23.869.977.908)	(10.001.717.081)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	11.500.490.519	(12.021.475.530)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	21.826.738.498	7.285.309.198
- Thay đổi chi phí trả trước	12	1.085.533.348	(89.141.309)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.109.324.114)	(4.227.008.112)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	26.155.042	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.565.515.834	(8.157.676.182)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác	21	(1.027.144.709)	(772.190.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các Tài sản dài hạn khác	22	-	5.542.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	41.933.149	48.780.973
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(985.211.560)	4.818.590.973
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	163.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	15.624.106.186	1.800.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.724.106.186)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(3.936.400.000)	(2.295.358.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.036.400.000)	(332.358.333)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(456.095.726)	(3.671.443.542)
Tiền đầu năm		984.685.113	4.656.128.655
Tiền cuối năm	70	528.589.387	984.685.113

Signature

Bùi Thị Hương
Người lập biểu

Vũ Thị Nhân
Kế toán trưởng

HOANG VIET HUNG
Giám đốc

Signature

M.S.D.N: 350050392 C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÓA PHẨM DẦU KHÍ
DMC-MIỀN NAM
TP. VŨNG TÀU - BÀ RIÃ VŨNG TÀU

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam, được chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2011 theo Quyết định số 946/QĐ-DMC của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP ngày 26 tháng 4 năm 2011. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 số 3500850392 ngày 09 tháng 12 năm 2013; theo đó vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 đồng, tương đương 4.000.000 cổ phần. Trong đó:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP nắm giữ 3.548.300 cổ phần tương đương với 35.483.000.000 đồng, chiếm 88,71% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 451.700 cổ phần tương đương với 4.517.000.000 đồng, chiếm 11,29% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 142 (31 tháng 12 năm 2012: 137).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, xi măng giếng khoan và các chất dùng cho khoan thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp giấy, công nghiệp luyện cán thép;
- Mua bán hóa chất, mua bán thiết bị, nguyên vật liệu, vật tư cho sản xuất dung dịch khoan, khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp giấy.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả, phải trả người bán và phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Công ty không trích trước trợ cấp thôi việc cho nhân viên mà thực hiện ghi nhận chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi chi trả thực tế cho nhân viên thôi việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có khoản lỗ lũy kế, tuy nhiên do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai, do đó Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	53.927.294	18.293.108
Tiền gửi ngân hàng	474.662.093	966.392.005
	528.589.387	984.685.113

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.890.353.170	18.709.898.428
Công cụ, dụng cụ	1.651.320.508	1.487.817.087
Thành phẩm	7.392.812.567	7.103.124.022
Hàng hóa	107.684.872	7.241.822.099
Tổng cộng	23.042.171.117	34.542.661.636
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	23.042.171.117	34.542.661.636

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 99 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	7.093.928.634	5.621.988.770	78.865.048	6.223.349.388	19.018.131.840
Tăng trong năm	-	278.053.800	-	749.090.909	1.027.144.709
Mua trong năm	-	278.053.800	-	749.090.909	1.027.144.709
Giảm trong năm	79.646.144	88.709.500	12.613.500	-	180.969.144
Giảm khác (*)	79.646.144	88.709.500	12.613.500	-	180.969.144
Tại ngày 31/12/2013	7.014.282.490	5.811.333.070	66.251.548	6.972.440.297	19.864.307.405
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	5.502.150.012	5.303.191.350	59.148.789	2.904.578.052	13.769.068.203
Tăng trong năm	482.047.666	172.200.767	15.816.825	719.517.528	1.389.582.786
Khấu hao trong năm	482.047.666	172.200.767	15.816.825	719.517.528	1.389.582.786
Giảm trong năm	76.903.007	65.297.595	12.613.500	-	154.814.102
Giảm khác (*)	76.903.007	65.297.595	12.613.500	-	154.814.102
Tại ngày 31/12/2013	5.907.294.671	5.410.094.522	62.352.114	3.624.095.580	15.003.836.887
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	1.106.987.819	401.238.548	3.899.434	3.348.344.717	4.860.470.518
Tại ngày 31/12/2012	1.591.778.622	318.797.420	19.716.259	3.318.771.336	5.249.063.637

(*) Giảm khác bao gồm việc phân loại lại TSCĐ với nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 đồng sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.191.344.861 VND (năm 2012: 5.057.424.589 VND).

8. TÌNH HÌNH NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp tại 31/12/2012	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải nộp tại 31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Thuế	494.616.368	5.007.877.254	5.526.086.364	(23.592.742)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.010.945.743	2.010.945.743	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.811.846.814	1.811.846.814	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	370.762.453	583.776.072	1.109.324.114	(154.785.589)
Thuế thu nhập cá nhân	123.853.915	598.308.625	590.969.693	131.192.847
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng cộng	494.616.368	5.007.877.254	5.526.086.364	(23.592.742)

Trong đó:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước tại 31/12/2013 là 154.785.589 VND.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2013 là 131.192.847 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	39.201.000.000	-	-	-	4.106.430.104	43.307.430.104
Tăng vốn trong năm	163.000.000	-	-	-	-	163.000.000
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	8.265.209.311	8.265.209.311
Phân phối các quỹ	-	-	-	82.128.602	(82.128.602)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.728.943.169)	(1.728.943.169)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.295.358.333)	(2.295.358.333)
Tại ngày 31/12/2012	39.364.000.000	-	-	82.128.602	8.265.209.311	47.711.337.913
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	(6.425.536.765)	(6.425.536.765)
Phân phối các quỹ	-	413.260.465	413.260.465	-	(826.520.930)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.502.288.381)	(3.502.288.381)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.936.400.000)	(3.936.400.000)
Tại ngày 31/12/2013	39.364.000.000	413.260.465	413.260.465	82.128.602	(6.425.536.765)	33.847.112.767

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (sửa đổi lần thứ 8), vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các cổ đông đã góp được 39.364.000.000 VND, tương đương 3.936.400 cổ phần, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013
	VND	%	VND
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (*)	35.483.000.000	88,71	35.483.000.000
Cổ đông là CBCNV	4.517.000.000	11,29	3.881.000.000
Tổng cộng	40.000.000.000	100	39.364.000.000

(*) Vốn đã góp của Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP bao gồm 5.483.000.000 VND là vốn góp bằng tiền, giá trị vốn góp còn lại bằng tài sản và các khoản công nợ.

10. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 99 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	414.113.896.176	332.176.286.918
+ Doanh thu bán hàng	398.047.135.560	313.032.061.582
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.066.760.616	19.144.225.336
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	414.113.896.176	332.176.286.918

12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	390.470.993.741	295.799.703.910
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.511.886.313	12.343.298.235
	401.982.880.054	308.143.002.145

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.174.036.419	42.171.671.199
Chi phí nhân công	18.445.022.774	16.872.350.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.389.582.786	2.007.324.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.658.958.986	12.937.414.986
Chi phí khác	225.941.543	146.069.602
	82.893.542.508	74.134.831.641

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	(6.425.536.765)	11.078.937.657
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	44.200.000	175.975.728
Lợi nhuận chịu thuế	(6.381.336.765)	11.254.913.385
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.813.728.346
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.813.728.346

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 99 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.425.536.765)	8.265.209.311
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.936.400	3.933.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.632)	2.101

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Các khoản vay	1.700.000.000	1.800.000.000
Trừ: Tiền	528.589.387	984.685.113
Nợ thuần	1.171.410.613	815.314.887
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.847.112.767	47.711.337.913
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,03</u>	<u>0,02</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	528.589.387	984.685.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.284.702.235	42.925.927.827
Tổng cộng	66.813.291.622	43.910.612.940
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.700.000.000	1.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	54.287.787.306	30.064.286.225
Chi phí phải trả	550.152.016	733.940.968
Tổng cộng	56.537.939.322	32.598.227.193

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền	528.589.387	-	528.589.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.284.702.235	-	66.284.702.235
Tổng cộng	66.813.291.622	-	66.813.291.622
31/12/2013			
Các khoản vay	1.700.000.000	-	1.700.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	54.287.787.306	-	54.287.787.306
Chi phí phải trả	550.152.016	-	550.152.016
Tổng cộng	56.537.939.322	-	56.537.939.322
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.275.352.300	-	10.275.352.300

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 99 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2012			
Tiền	984.685.113	-	984.685.113
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.925.927.827	-	42.925.927.827
Tổng cộng	43.910.612.940	-	43.910.612.940
31/12/2012			
Các khoản vay	1.800.000.000	-	1.800.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	30.064.286.225	-	30.064.286.225
Chi phí phải trả	733.940.968	-	733.940.968
Tổng cộng	32.598.227.193	-	32.598.227.193
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.312.385.747	-	11.312.385.747

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	Cùng Công ty mẹ
Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Viện Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 99 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Bán hàng hóa		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	9.689.805.723	24.632.672.995
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	696.600.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	40.000.000	717.000.000
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	34.348.212.620	29.947.512.483
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	65.054.969.890	36.441.304.368
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	30.202.660.000	25.741.241.887
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	40.900.962.935	22.331.793.691
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	273.529.730	829.396.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	1.682.358.000	448.628.800
Cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	11.289.288.764	12.856.944.185
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	2.366.855.324	1.433.265.557
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	2.136.241.929	1.703.532.429
Viện Dầu khí Việt Nam	-	265.810.000
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	-	910.463.528
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	22.862.249.940	9.513.650.921
Trong đó:		
- Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	8.680.137.107	9.513.650.921
- Cung cấp dịch vụ (*)	14.182.112.833	-

(*) Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP cho Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam thuê hoạt động nhà máy Hóa phẩm Dầu khí Cái Mép.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC MIỀN NAMSố 99 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hoá phẩm Dầu khí - CTCP	-	1.864.769.838
Công ty TNHH Dung dịch khoan M-I Việt Nam	651.632.102	1.514.205
Công ty TNHH Một thành viên Dung dịch khoan và Dịch vụ giếng khoan - DMC	15.779.703.497	9.505.678.341
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	14.747.876.000	3.535.687.687
Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	2.948.113.428	2.404.765.451
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	25.674.800	25.540.900
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hoá phẩm Dầu khí	4.692.903.156	-

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lương, thưởng và các khoản lợi ích khác	1.350.546.299	889.407.633

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Bùi Thị Hương
 Người lập biểu

Ngày 24 tháng 02 năm 2014

B. Hương

Vũ Thị Nhân
 Kế toán trưởng

